

TheWindy

TỪ SÁCH GIÚP HỌC TỐT TIẾNG ANH

Phiên bản
mới nhất
**NEW
EDITION**

CẤU TRÚC CÂU Tiếng Anh

- DÙNG CHO HỌC SINH THCS, THPT VÀ ÔN LUYỆN THI ĐẠI HỌC
- DÀNH CHO SINH VIÊN CÁC TRƯỜNG
- DÀNH CHO NGƯỜI HỌC THÊM TIẾNG ANH CÁC CẤP



**NHÀ XUẤT BẢN
ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI**



The Windy

NGUYỄN THU HUYỀN (*Chủ biên*)

CẤU TRÚC CÂU

Tiếng Anh

Hiệu đính:

MỸ HƯƠNG & THANH HẢI

NHÀ XUẤT BẢN TỪ ĐIỂN BÁCH KHOA

Lời nói đầu

Bạn đọc thân mến!

Cuộc sống đang trong vòng quay không ngừng của hội nhập và phát triển. Hơn lúc nào hết chúng ta cần đến ngoại ngữ mà đặc biệt là tiếng Anh, như một chiếc cầu nối với thế giới xung quanh, với kho tri thức mênh mông của nhân loại.

Trong khi học hay sử dụng tiếng Anh trong giao tiếp, trong công việc, chắc hẳn bạn đã từng có lúc do dự hay lúng túng khi đối thoại với người nước ngoài hoặc khi viết các bài luận bằng tiếng Anh. Các bạn bối rối phần nhiều là do bạn không có cấu trúc câu phong phú. Điều này thật sự là rất cần thiết, bởi nếu bạn có vốn cấu trúc câu phong phú, bạn sẽ tự tin hơn khi đàm thoại với người nước ngoài, bài luận của bạn sẽ hay hơn khi vốn cấu trúc câu dùng trong bài không bị nhàm chán.

Chính vì vậy, cuốn sách “**Cấu trúc câu tiếng Anh**” ra mắt độc giả nhằm giúp các bạn khắc phục một trong những khâu khó nhất trong việc học tiếng Anh.

Cuốn sách cung cấp đa dạng về cấu trúc câu và thành ngữ, giúp bạn biết nên dùng cấu trúc nào cho thích hợp, cho đúng tình huống. Sách được trình bày ngắn gọn, rõ ràng, dễ hiểu để bạn có thể tiếp thu kiến thức một cách hiệu quả nhất.

Hy vọng rằng, cuốn sách sẽ trở thành người bạn thân thiết và hữu ích với những ai đang mong muốn nâng cao trình độ tiếng Anh của mình.

Rất mong nhận được nhiều đóng góp quý báu của bạn
đọc gần xa.

Chúc các bạn thành công!

BAN BIÊN TẬP

PART 1

SENTENCE

CÂU

* CÂU ĐƠN (Simple sentence)

Câu đơn thường có hai phần:

Chủ ngữ (Subject) và **Vị ngữ** (Predicate)

1. Chủ ngữ: thường là một danh từ (noun), một đại từ (pronoun), một tính từ (adjective), một cụm động từ nguyên mẫu (infinitive), một cụm động từ (verbal phrase), một danh động từ (gerund), một cụm danh động từ (gerund phrase) hoặc một cụm từ (phrase) ...

2. Vị ngữ: thường là một động từ hay cụm động từ. Tùy vào loại động từ mà chủ ngữ đòi hỏi, vị ngữ sẽ là một tân ngữ (object) hay là một bổ ngữ (complement). Một câu thường có nghĩa nhất định riêng của nó.

S + V + O/C/A

Subject (S)	Verb (V)	Object (O)
He	is playing	football.
<i>Anh ấy</i>	<i>đang chơi</i>	<i>bóng đá.</i>
Hung	sent	a lot of postcards.
<i>Hùng</i>	<i>đã gửi</i>	<i>nhiều bưu thiếp.</i>

Subject (S)	Verb (V)	Complement (C)	Adverbial (A)
She	is	beautiful.	
<i>Cô ấy</i>		<i>đẹp.</i>	
Huyen	went		to Hue yesterday.
<i>Huyền</i>	<i>đã đi</i>		<i>Huế hôm qua.</i>

*** CÂU GHÉP** (Compound sentence)

Là loại câu do hai hay nhiều câu đơn ghép lại bằng các liên từ (and, so, but, or, because, while...)

Câu ghép cũng là loại câu độc lập mỗi quan hệ không hoàn toàn phụ thuộc vào nhau.

Eg: He is a doctor and she is a teacher.

Ông ấy là bác sĩ và bà ấy là giáo viên.

*** CÂU PHỨC** (Complex sentence)

Là loại câu có hai hay nhiều mệnh đề:

1 hoặc 2 mệnh đề chính (main clause),

1 hoặc nhiều mệnh đề phụ (subordinate clause).

Các mệnh đề được nối lại với nhau bằng một đại từ quan hệ, một phó từ quan hệ hay các liên từ như: why, when, that, if, as, then, who, whom, which, that, what, where...

Eg: If I have time, I will go to the cinema.

Nếu tôi có thời gian, tôi sẽ đi xem phim.

Do you know why he was absent?

Bạn có biết vì sao anh ta vắng mặt không?

Và tùy thuộc vào mệnh đề chính, phụ tương đương với thành phần nào trong câu mà ta có mệnh đề tính ngữ, trạng ngữ và mệnh đề danh từ làm chủ ngữ (tân ngữ, bổ ngữ).

* **CÂU HỎI** (Questions)

Trong tiếng Anh có bốn loại câu hỏi. Ở đây chúng ta chú ý 2 loại:

- YES – NO question (câu hỏi có – không).
- WH – question (câu hỏi bắt đầu bằng WH). Khi đặt câu hỏi cần chú ý 3 loại động từ:

1. Động từ đặc biệt (special verbs)

- + To be: là, thì, ở
- + To have (got): có

2. Động từ khuyết thiếu (modal verbs)

- + Can/Could
- + May/Might
- + Must
- + Will/Shall
- + Should/Would

3. Động từ thường (ordinary verbs)

Gồm các động từ còn lại ngoài các động từ trên.

A. YES- NO question

Là loại câu hỏi phải trả lời hoặc **YES** hoặc **NO**. Trong loại này ta đưa động từ ra trước chủ ngữ: **to be**, **to have** và động từ khuyết thiếu. Còn động từ thường thì mượn trợ động từ **Do, Does, Did...** đặt đầu câu.

1. Đối với các động từ đặc biệt tả theo hình thức:

To be + S + C/A

To be cụ thể ở đây là: am, is, are, was, were

Eg: Is this your book?

Were you at home yesterday?

Với động từ **to have**:

Have/Has + S + got +...?

Eg: Have you got a watch?

Cậu có chiếc đồng hồ nào không?

Has Lan got any new dress?

Lan có chiếc váy mới nào không?

Chú ý: Động từ **to have** còn được dùng ở hiện tại hoàn thành và quá khứ hoàn thành. Do đó khi đặt câu hỏi với **YES - NO question**, cũng đưa **have** và **has** ra trước chủ ngữ.

Eg: Have you finished your homework?

Bạn đã làm xong bài tập về nhà chưa?

Had he learned English before?

Trước đây anh ta đã học tiếng Anh rồi phải không?

2. Đối với động từ khuyết thiếu (modal verbs)

Modal verbs + S + V (bare-inf) +...?